

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/DS-ST
Ngày: 15-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh
2. Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn M, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ X, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)
2. *Bị đơn:* Lê Quốc K, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ Y, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn M trình bày: Vào năm 2011, anh Lê Quốc K có cầm cố cho ông Nguyễn Văn M một chiếc xe mô tô với số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và có lấy thêm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Do anh K không đóng lãi nên ông M yêu cầu anh K nhận lại xe và trả tiền cho ông M. Anh K đồng ý và trả cho ông M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu

đồng), như vậy anh K còn nợ ông M số tiền là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), anh K có làm biên nhận nợ ngày 26/9/2011. Anh K có hứa trả 2.000.000 đồng/tháng nhưng không thực hiện. Ngày 28/02/2019, tại Ban ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, anh K chỉ thừa nhận nợ ông M số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), khi đó ông M đồng ý bớt cho anh K 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đồng ý để anh K trả nợ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tuy nhiên anh K không trả nợ như cam kết. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu anh K phải trả cho ông số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất từ ngày làm biên nhận là ngày 26/9/2011 cho đến khi xét xử.

* Tòa án nhiều lần triệu tập anh Lê Quốc K đến tham gia các phiên họp nhưng anh K nhận thông báo nhưng đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông M.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh K trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định tại Bộ Luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại thông báo thụ lý, Tòa án đã thụ lý vụ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn M và anh Lê Quốc K là tranh chấp “Đòi tài sản”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào lời trình bày của ông M và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được: Nguồn gốc số tiền đang tranh chấp là do anh K cầm cố xe mô tô cho ông M, tuy nhiên tài sản cầm cố là xe mô tô đã được ông M và anh K thống nhất xử lý xong nên theo quy định tại khoản 3 Điều 339 Bộ luật Dân sự 2005 hợp đồng cầm cố giữa ông M và anh K đã chấm dứt; các đương sự đã thỏa thuận số tiền còn nợ là vay, đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Lê Quốc K hiện đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.3] *Sự có mặt của các đương sự:* Bị đơn anh Lê Quốc K không có yêu cầu phản tố, được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Thời điểm ông Nguyễn Văn M và anh Lê Quốc K xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 26/9/2011, trước tháng 7 năm 2016 và kéo dài đến nay, có nội dung và hình thức khác với quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 (cụ thể là về mức lãi suất), nay xảy ra tranh chấp, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Văn Mọi và các chứng cứ đã được các đương sự cung cấp: Biên nhận mượn tiền ngày 26/9/2011, biên bản hòa giải ngày 28/02/2019 và ngày 08/5/2020 tại ban ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định được: Anh Lê Quốc K có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và có viết biên nhận vào ngày 26/9/2011, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Đến ngày 10/12/2011 anh K đồng ý trả cho ông M mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nhưng anh K không thực hiện. Tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2019, anh K thừa nhận có nợ của ông M 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và có ý kiến chia ra ba đợt trả nợ, ông M cũng đồng ý với ý kiến của anh K, tuy nhiên sau khi hòa giải anh K vẫn không thực hiện cam kết nên ông M khởi kiện đến Tòa án.

Ông M trình bày, tại buổi hòa giải ngày 28/02/2019 tại Ban ấp T, ông đồng ý cho anh K trả nợ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) vì ông muốn nhanh chóng lấy lại số tiền đã cho vay, tuy nhiên thực tế anh K nợ ông 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), từ ngày 26/9/2011 đến nay anh K không trả nợ cho ông, do biên bản của Ban ấp T ghi không rõ ràng, nhưng ông không có gì chứng minh từ ngày 26/9/2011 đến ngày 28/02/2019 anh K còn nợ ông 7.000.000 đồng. Do đó, tại phiên tòa, ông M tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh K trả cho ông 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông M là tự nguyện và không vượt qua yêu cầu khởi kiện ban đầu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh K đã nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải, xét xử, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, như vậy anh K đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc anh K có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về lãi suất: Ông M yêu cầu tính lãi suất từ ngày viết biên nhận là ngày 26/9/2011, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa, rút lại yêu cầu tính lãi suất, việc rút yêu cầu của ông M là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả của ông M.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 339, Điều 471 và khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về lãi suất

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc anh Lê Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Ông Nguyễn Văn M được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006952 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Anh Lê Quốc Khanh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về nghĩa vụ thi hành án*:

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2020). Anh Lê Quốc K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Giao